

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH BÌNH THUẬN**

Bản án số: **43/2017/HS-ST**
Ngày: 27/7/2017

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BÌNH THUẬN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Nam Tiến – Phó Phòng Văn hóa & Thông tin huyện T
2. Ông Ngô Anh Tuấn – Ủy viên thường trực Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam

huyện T

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Thanh Lê Anh Tuấn, cán bộ Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát huyện T tham gia phiên tòa: Ông Trương Vĩnh Vinh -
Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ
thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 32/2017/HSST, ngày 01/6/2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Thị N ; Sinh năm 1961; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay:
Khu phố 7, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc:
Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Mua bán ; Tiền
án, tiền sự: Không; Cha: Trần Xung, sinh năm 1916 và mẹ: Phùng Thị Có, sinh
năm 1924 đều đã chết; Có 05 anh chị ruột (Lớn nhất sinh năm 1944; nhỏ nhất -
sinh năm 1958). Chồng: Phạm Dũng – sinh năm 1958 hiện ở 170/6. Nguyễn
Huệ, khu phố 7, thị trấn L, huyện T. Con: Có 05 người (Lớn nhất – sinh năm
1982; nhỏ nhất – sinh năm 1995)

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 20.04.2017 hiện đang bị tạm giam tại Nhà
tạm giữ - Công an huyện T. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Ông Trần K – sinh năm 1958;

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm 12, Hiệp Đức 2, xã C, huyện T,
tỉnh Bình Thuận. có mặt

NHẬN THẤY:

Bị cáo Trần Thị N bị Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố về hành vi phạm tội
như sau:

Bà Phạm Thị Dân T được UBND huyện T cấp quyền sử dụng thửa đất số
154, tờ bản đồ số 05, diện tích 10.140 m² mục đích sử dụng là “đất quả”, thời
hạn sử dụng đến tháng 4 năm 2047 tọa lạc tại xã B, huyện T. Ngày 05.02.2015,
bà T làm hợp đồng ủy quyền cho Phạm D để bán thửa đất trên. Bị cáo Trần Thị
N là em dâu của ông D nên ông D nhờ bị cáo giới thiệu người mua đất để ông D

trực tiếp trao đổi mua, bán. Ngày 03.11.2016, do có nhu cầu mua đất nên ông Trần K cùng với Trương Quốc T1 và Nguyễn Tiến T2 đến gặp N tại cơ sở kinh doanh vật liệu xây dựng của N ở khu phố 6, thị trấn L để hỏi mua thửa đất của bà T. Khi gặp N, K hỏi nguồn gốc đất và đòi xem giấy tờ chứng nhận quyền sở hữu đất, do trước đó N có làm thủ tục đăng ký quyền sở hữu đất dùm cho T3 nên khi làm xong thủ tục N tự ý phô tô giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Phạm Thị Dân T cất giữ đưa cho K xem (Riêng bản chính giấy chứng nhận quyền sở hữu đất bà T đã đưa cho Phạm D để bán đất). Ông K yêu cầu gặp Phạm Thị Dân T là người đứng tên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để giao dịch mua bán thì N nói dối N là chủ sở hữu của mảnh đất trên và nhờ T là chị chồng của N đứng tên giùm và N trực tiếp đứng ra giao dịch mua bán thửa đất. Ông K tưởng thật nên thỏa thuận với N giá mua bán thửa đất trên là 650.000.000 đồng, ông K đặt tiền cọc cho Nga số tiền 50.000.000 đồng và làm giấy biên nhận tiền đặt cọc, N không ký tên của N vào giấy biên nhận tiền đặt cọc mà giả chữ ký của Phạm Thị Dân T để ký, N hẹn ông K ngày 08.11.2016 sẽ giao tiền đủ và làm thủ tục chuyển nhượng thửa đất trên cho K. Sau khi nhận 50.000.000 đồng tiền đặt cọc của ông K, N không thông báo đã bán đất và nhận tiền đặt cọc cho ông Phạm D biết mà N sử dụng số tiền trên vào việc trả nợ riêng của N. Đến ngày 08.11.2016, do không phải đất của N nên N không thực hiện việc chuyển nhượng thửa đất trên, ông K nhiều lần đến gặp N để đòi lại tiền đặt cọc nhưng N không chịu trả nên ông K làm đơn tố cáo đến Công an huyện T. Tại cơ quan điều tra, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội

Tại bản cáo trạng số: 34/QĐ/KSĐT/VKS-HS, ngày 31/5/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo Trần Thị N về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm e khoản 2 điều 139 Bộ luật hình sự.

Tại tòa, kiểm sát viên đề nghị :

Áp dụng điểm e khoản 2 điều 139, điểm p khoản 1, khoản 2 điều 46, điều 33 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Thị N từ 24 đến 30 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Căn cứ vào các chứng cứ và các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Viện kiểm sát, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận:

Vào ngày 03.11.2016, ông Trần K cùng với Trương Quốc T1 và Nguyễn Tiến T2 đến gặp bị cáo tại cơ sở kinh doanh vật liệu xây dựng của bị cáo tại khu phố 6, thị trấn L để hỏi mua thửa đất mang tên Phạm Thị Dân T. Biết rất rõ mảnh đất trên không thuộc quyền sử dụng của mình nhưng bị cáo vẫn tiến hành việc mua bán mảnh đất trên với ông Trần K, nhận 50.000.000đ tiền đặt cọc của ông K và hẹn đến ngày 08/11/2016 thực hiện xong thủ tục mua bán để ông K hoàn trả hết số tiền còn lại. Để tạo niềm tin cho ông K, bị cáo đã đưa bản phô tô mảnh đất trên do bị cáo chủ động phô tô lên của bà T khi bà T nhờ bị cáo làm thủ tục ủy quyền. Sau khi nhận 50.000.000 đồng tiền đặt cọc của K, bị cáo

không thông báo đã bán đất và nhận tiền đặt cọc cho Phạm D biết mà bị cáo đã sử dụng số tiền trên vào việc trả nợ cho bị cáo. Đến ngày 08.11.2016, do không phải đất của bị cáo nên bị cáo không thực hiện việc chuyển nhượng thửa đất trên, ông K nhiều lần đến gặp bị cáo để đòi lại tiền đặt cọc nhưng bị cáo không chịu trả nên ông K làm đơn tố cáo đến Công an huyện T. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, những người làm chứng cùng các chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án đã được xác minh, đủ cơ sở kết luận bị cáo Trần Thị N đã phạm tội “lừa đảo chiếm đoạt tài sản” được quy định tại khoản 2 điều 139 Bộ luật hình sự như viên kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố và lời luận tội của kiểm sát viên tại phiên tòa.

Hành vi phạm tội của bị cáo rất nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến sở hữu của công dân, nên cần phải xử lý bị cáo bằng một mức án nghiêm khắc, tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian vừa phải đủ cải tạo giáo dục bị cáo trở thành người tốt, có ích cho xã hội.

Tuy nhiên, tại cơ quan điều tra cũng như tại tòa hôm nay, bị cáo khai báo tương đối thành khẩn, chưa thể hiện thái độ ăn năn hối cải nên HĐXX cũng áp dụng tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo ở điểm b khoản 1 điều 46 Bộ luật hình sự nhưng ở mức độ hạn chế. Nhân thân bị cáo chưa có tiền án tiền sự, đã tác động gia đình bồi thường một phần thiệt hại cho người bị hại, tại phiên Tòa người bị hại xin giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo vì lý do nhân đạo nên HĐXX áp dụng khoản 2 điều 46 bộ luật hình sự giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Về phần bồi thường dân sự: Người bị hại Trần K yêu cầu Trần Thị N trả lại số tiền 50.000.000 đồng tiền đặt cọc mua đất, đến nay bị cáo đã khắc phục được 10.000.000đ còn lại 40.000.000đ là tài sản thuộc sở hữu của người bị hại, HĐXX buộc bị cáo hoàn trả lại cho người bị hại toàn bộ số tiền trên.

Tuy nhiên, tại phiên tòa người bị hại chỉ yêu cầu bị cáo bồi thường 25.000.000đ, đây là sự tự nguyện của người bị hại không trái với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội nên HĐXX chấp nhận

Bị cáo phải nộp án phí theo quy định

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Thị N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng: Điểm e khoản 2 điều 139; điểm p khoản 1, khoản 2 điều 46, điều 33 Bộ luật hình sự

Tuyên phạt: Bị cáo Trần Thị N 24(Hai mươi bốn) tháng tù. Thời gian tính tù từ ngày bị bắt 20/4/2017

Áp dụng: khoản 1 điều 42 Bộ luật hình sự; điều 604, điều 605, điều 606, điều 608 Bộ luật dân sự 2005; điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

Buộc bị cáo Trần Thị N phải bồi thường toàn bộ số tiền 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng) cho ông Trần K khi bản án có hiệu lực pháp luật

Tiếp tục tạm giữ 10.000.000đ tại biên lai thu số 006667 Ngày 10/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T để bảo đảm thi hành án

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất như sau:

* Trường hợp các bên có thỏa thuận thì mức lãi suất không được vượt quá 20%/năm.

* Trường hợp các bên không có thỏa thuận thì mức lãi suất là 10%/năm.

* Trường hợp pháp luật có quy định khác (nếu có)

Áp dụng: điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Thị N phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.250.000đ đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Báo cho họ biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- VKS (tỉnh + huyện);
- Tòa án tỉnh;
- Công an huyện T
- Chi cục THA huyện T;
- Bị cáo, người liên quan;
- Lưu hồ sơ.

(ĐÃ KÝ)
Đặng Thị Thu Trang

Nội nhân:

Về phần bồi thường dân sự: Người bị hại Trần Khá yêu cầu Trần Thị Nga trả lại số tiền 50.000.000 đồng tiền đặt cọc mua đất, đến nay Nga vẫn chưa trả lại cho Khá số tiền trên.

Quá trình điều tra, Trần Thị Nga khai nại ngày 03.11.2016 khi giao dịch mua bán đất với Khá, Nga nói thửa đất trên là của Phạm Dũng nhờ Nga bán giùm chứ không phải nói đất của Nga nhờ Trung đứng tên dùm và có nhận số tiền đặt cọc số tiền 50.000.000 đồng. Căn cứ vào lời khai của Trần Khá, Trần Quốc Tấn và Nguyễn Tiến Trình đều khai nhận: khi giao dịch mua bán đất, Trần Khá có yêu cầu Nga cho gặp Phạm Thị Dân Trung (là người đứng tên sở hữu thửa đất) nhưng Nga nói Nga chính là chủ sở hữu nhờ Phạm Thị Dân Trung đứng tên giùm. Mặt khác, Phạm Dũng (người được Phạm Thị Dân Trung ủy quyền để bán đất) khai nhận Dũng không có nhờ Nga bán đất mà chỉ nhờ Nga giới thiệu nếu ai có nhu cầu mua đất thì giới thiệu đến gặp trực tiếp Dũng để giao dịch mua bán đất và khi Nga giao dịch mua bán đất, nhận tiền đặt cọc của Trần Khá, Dũng không biết và Nga cũng không thông báo cho Dũng. (bút lục số 29,30,34,35,42,43,44,45,46,47,50,68,69)

Căn cứ vào lời khai của người bị hại, những người làm chứng, đủ chứng cứ xác định, Trần Thị Nga đã dùng thủ đoạn gian dối khi không phải đất của

Nga đã tự ý thỏa thuận giao dịch mua bán đất với Trần Khá để nhận tiền đặt cọc số tiền 50.000.000 đồng rồi chiếm đoạt vào mục đích trả nợ cho bản thân.